

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY  
WSB  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
-----oOo-----

Số: 122/2013/WSB  
(V/v Công bố thông tin: Báo cáo  
thường niên năm 2012)

Cần thơ, ngày 12 tháng 04 năm 2013

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: Khu CN Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
4. Điện thoại: 0710 3843333 Fax: 0710 3843222
5. Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Đình Hùng
6. Nội dung công bố thông tin:
  - Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây xin công bố thông tin báo cáo Thường niên năm 2012.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [wsb-sabeco.com.vn](http://wsb-sabeco.com.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HC

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



PHẠM ĐÌNH HÙNG

**CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY  
(WSB)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /2013/WSB

Cần Thơ, ngày tháng 04 năm 2013

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY ĐẠI CHỨNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY  
NĂM BÁO CÁO: 2012**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên đầy đủ: Công Ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
- Tên tiếng Anh: Sai Gon Beer Western Joint Stock Company
- Tên viết tắt: WSB
- Trụ sở: Khu công nghiệp Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Điện thoại: 07103.843.333 - Fax: 07103.843.222
- Email: [wsb@vnn.vn](mailto:wsb@vnn.vn)
- Website: [www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)
- Vốn điều lệ: 145.000.000.000 VNĐ (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng).
- Giấy đăng ký kinh doanh số 5703000144 ngày 13/4/2005 do Sở Kế hoạch-Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp; đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/9/2008.
- Số tài khoản: 10201 0000 285 919 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ, Số 6 Phan Đình Phùng, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

**2. Quá trình hình thành và phát triển.**

<b>Tháng/năm</b>	<b>Các sự kiện tiêu biểu</b>
Tháng 01/2002	Tiền thân là Nhà Máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ, là Nhà máy trực thuộc Tổng Công ty Bia Rượu – NKG Sài Gòn, thành lập năm 2000 và Nhà Máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng cũng là Nhà máy trực thuộc Tổng Công ty Bia Rượu – NKG Sài Gòn, thành lập năm 1995.
Tháng 5/2005	Cổ phần hóa 02 nhà máy: - Nhà Máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ cổ phần hóa thành Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ, theo giấy đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư Tp. Cần Thơ cấp ngày

13/4/2005, có vốn điều lệ là 90.000.000.000 đồng, là Công ty con của Tổng Công ty Bia Rượu – NKG Sài Gòn, Tổng Công ty chiếm 51% vốn điều lệ.

- Nhà Máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng cổ phần hóa thành Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, theo giấy đăng ký kinh doanh số: 5903000034 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/4/2005 có vốn điều lệ là 55.000.000.000 đồng, là Công ty con của Tổng Công Ty Bia Rượu – NKG Sài Gòn, Tổng Công ty chiếm 51% vốn điều lệ.

- Tháng 7/2006 Hợp nhất 02 Công ty là Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Công Ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây theo giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ I số: 5703000144 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp.Cần Thơ cấp ngày 06/06/2006, với vốn điều lệ là 145.000.000.000 đồng, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần, tổng số cổ phần lưu hành là 14.500.00 cổ phần, Tổng Công ty Bia Rượu – NKG Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ (là Công ty mẹ)
- Tháng 2/2007 Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, Công ty Bia Sài Gòn – Miền Tây chiếm 20% vốn điều lệ và trở thành Công ty liên kết với Đơn vị này.
- Tháng 6/2007 Chính thức trở thành Công ty đại chúng (29/6/2007)
- Tháng 7/2010 Cổ phiếu của Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán **WSB** vào ngày 30/7/2010

**Hiện tại:**

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây có:**

**\* Nhà máy Bia Sài Gòn-Cần Thơ**

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp.Cần Thơ

ĐT: 07103.843.333 - Fax: 07103.843.222

**\* Nhà máy Bia Sài Gòn-Sóc Trăng**

Địa chỉ: 483 Quốc lộ 1A, P2, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

ĐT: 079.3826494 - Fax: 079.3824070

**\* Văn phòng đại diện tại TPHCM**

Địa chỉ: LL1G1 Ba Vì, P15, Q10, TPHCM

ĐT: 08.39706639 - Fax: 08.39706639

SÀI GÒN  
MIỀN TÂY  
CỔ PHẦN

**\* Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng**

Địa chỉ: Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, H Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

ĐT: 08.39706639

- Fax: 08.39706639

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**3.1 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất kinh doanh bia các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát;
- Kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu;
- Kinh doanh địa ốc; Kinh doanh nhà hàng, văn phòng, nhà kho, lái;
- Chế biến, kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi trồng thủy hải sản;
- Kinh doanh vật tư nguyên liệu, phụ tùng chuyên ngành sản xuất bia, nước giải khát;
- Vận tải hàng hóa đường bộ.

**3.2 Địa bàn kinh doanh : Các tỉnh Miền Tây Nam Bộ,...**

**4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị.**

**4.1 Mô hình quản trị**

**\* Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền dự họp và quyền biểu quyết, có quyền và nhiệm vụ: sửa đổi bổ sung điều lệ; thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát...

**\* Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội. Các thành viên HĐQT được ĐHCĐ bầu ra. HĐQT đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT có trách nhiệm đưa ra các chính sách tồn tại và phát triển, đề ra các nghị quyết hoạt động giao cho Giám đốc điều hành Công ty triển khai thực hiện.

**\* Ban kiểm soát**

Do ĐHCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trong toàn bộ hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện của mình.

**\* Ban Giám đốc**

Giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Phó Giám đốc có trách nhiệm giúp cho Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động

08/03/2013

giải quyết những công việc được Giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

**\* Các phòng chức năng:**

**+ Phòng Hành chính-Tổng hợp:**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm. Theo dõi công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

**+ Phòng Tài Chính-Kiểm Toán nội bộ:**

Phụ trách lĩnh vực tài chính. Quản lý chiến lược đầu tư tài chính: Khai thác cơ hội đầu tư, nâng cao hiệu quả sinh lợi đồng vốn. Đảm bảo an toàn tài chính trong đầu tư; Quản lý, phân tích và dự báo hiệu quả tài chính trong hoạt động SXKD của Công ty. Thanh tra tài chính : Công tác thanh tra, kiểm toán nội bộ.

**+ Phòng Kế Toán:**

Phụ trách lĩnh vực kế toán - thống kê. Tổ chức hệ thống sổ sách, hồ sơ và phương pháp hạch toán kế toán; Quản lý nghiệp vụ kế toán nhằm đảm bảo tính hợp lý - hợp lệ - hợp pháp đối với toàn bộ hoạt động trong công ty; Quản lý tài sản về mặt chứng từ và số liệu, quản lý quỹ, thực hiện các nghiệp vụ với ngân hàng; Quản lý nguồn vốn, đảm bảo sự ổn định của dòng tiền; Thống kê, phân tích, báo cáo theo Quy chế, Nghị quyết, Điều lệ và pháp luật.

**+ Phòng Kỹ thuật-Công nghệ:**

Chịu trách nhiệm trong công tác tổ chức điều hành, thực hiện, kiểm tra, báo cáo kết quả công tác kỹ thuật công nghệ, chất lượng sản phẩm môi trường, ATVSTP, VSCN; Xây dựng các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, vật tư nguyên liệu; Kiểm tra chất lượng sản phẩm, chất lượng vật tư, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất; Chủ trì và phối hợp các bộ phận liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chất lượng; Xây dựng, giám sát định mức kinh tế kỹ thuật, máy móc thiết bị, tài liệu công nghệ theo quy định của Công ty; Phối hợp nghiên cứu các giải pháp công nghệ, các thành tựu kỹ thuật tiên tiến vào hoạt động sản xuất, phát triển sản phẩm mới. Kết hợp với các bộ phận liên quan xây dựng và thực hiện nội dung chương trình đào tạo, tổ chức thi nâng bậc kỹ thuật cho công nhân hàng năm.

**+ Văn phòng đại diện:**

Văn phòng đại diện có chức năng theo các ngành nghề đã đăng ký và sự phân công của Hội đồng quản trị, phân cấp của Giám đốc Công ty; đầu mối liên lạc của Công ty tại TP. HCM với Tổng Công ty, các đơn vị có quan hệ giao dịch; tổ chức các chuyến công tác, hội họp cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; đầu mối cung cấp vật tư, nguyên vật liệu, phụ tùng phục vụ hoạt động SXKD cho Công ty;

**\* Nhà máy Cồn Thơ và Nhà máy Sóc Trăng**

**+ Tổ Nấu:**

Thực hiện, kiểm soát đầu vào của quá trình nấu và trong quá trình nấu; Tổ chức nhận vật tư, nguyên phụ liệu để đáp ứng yêu cầu sản xuất dịch đường theo kế hoạch sản xuất đã được lãnh đạo duyệt; Cung cấp dịch đường lạnh cho Tổ Lên men theo kế hoạch chất lượng, kế hoạch sản xuất và theo yêu cầu của Tổ Lên men; Thực hiện, theo dõi đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại Tổ.

**+ Tổ Lên men:**

Tổ chức nhận vật tư, hoá chất đáp ứng cho yêu cầu sản xuất tại phân xưởng theo kế hoạch sản xuất đã được lãnh đạo duyệt; Vận hành thiết bị, máy móc thuộc tổ quản lý và thực hiện đảm bảo an toàn lao động trong quá trình sản xuất; Tiếp nhận dịch đường từ Tổ Nấu, thực hiện quá trình lên men thành bia và lọc bia; Cung cấp bia bán thành phẩm cho Tổ Thành phẩm theo quy trình công nghệ sản xuất; Thực hiện, theo dõi đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế, kỹ thuật tại Tổ.

**+ Tổ Thành phẩm:**

Tổ chức nhận vật tư, hoá chất, két, vỏ chai rỗng để đáp ứng yêu cầu sản xuất tại tổ theo kế hoạch sản xuất đã được lãnh đạo duyệt; Vận hành thiết bị máy móc thuộc Tổ quản lý và thực hiện đảm bảo an toàn lao động trong quá trình sản xuất; Chiết bia ra thành phẩm theo kế hoạch sản xuất và đảm bảo đúng theo quy trình công nghệ sản xuất và giao cho Phòng Hành chính – Tổng hợp; Thực hiện, theo dõi, đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại Tổ.

**+ Tổ Động lực-Bảo trì:**

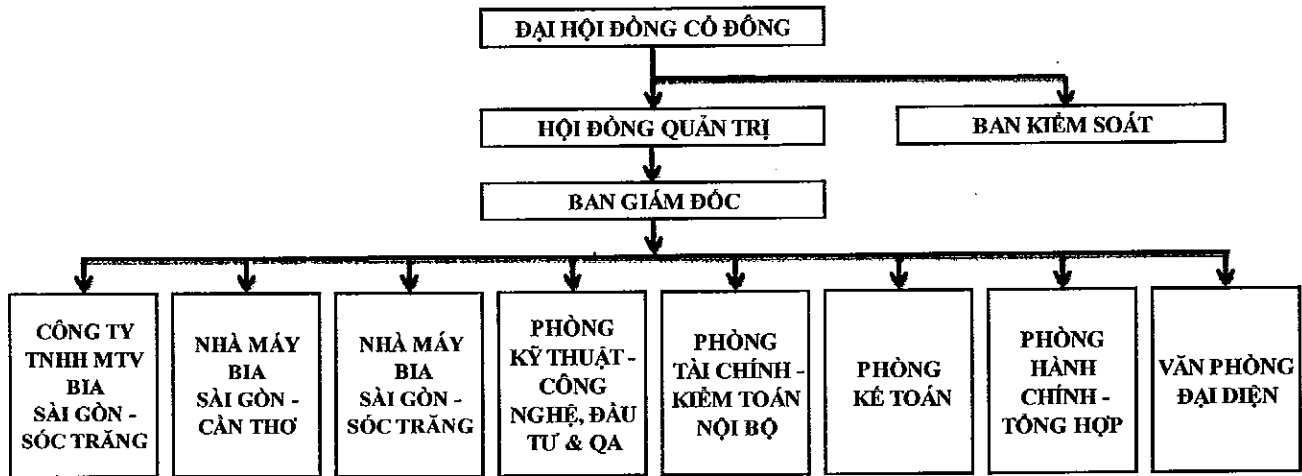
Vận hành các hệ thống thiết bị động lực và hệ thống xử lý nước thải đúng theo quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động; Đề xuất các biện pháp cần thiết nhằm tiết kiệm năng lượng; Phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch bảo trì thiết bị, kế hoạch đào tạo, kế hoạch bảo hộ lao động của đơn vị hàng năm; Thực hiện, theo dõi, đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại Tổ.



## 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09/2012/QĐ-WSB-HĐQT ngày 26/03/2012 của Hội đồng Quản trị WSB)



#### \* Ghi chú:

- "- Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng là đơn vị có tài khoản riêng, hạch toán độc lập
- "- Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng có tài khoản riêng, hạch toán phụ thuộc.
- "- Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ hoạt động theo Điều lệ của Công ty.
- "- Các phòng chức năng của Công ty kiêm nhiệm các phòng chức năng của Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ.

## 4.3 Các Công ty con, Công ty liên kết:

### - Công ty con :

#### **Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng**

Địa chỉ : Lô S, KCN An Nghiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

Lĩnh vực sản xuất chính : sản xuất bia, rượu, cồn .....

Vốn Điều lệ: 45.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ góp vốn : 100% vốn công ty mẹ

### - Công ty liên kết:

#### **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu**

Địa chỉ : Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

Lĩnh vực sản xuất chính : sản xuất bia, rượu, cồn .....

Vốn điều lệ: 80.080.000.000 đồng.

Tỷ lệ góp vốn : 20%

## **5. Định hướng phát triển**

### **5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

#### **- Về công tác thị trường**

Góp sức cùng với Tổng Công ty Bia Rượu – NGK Sài Gòn phát huy thế mạnh giữ vững thị trường hiện có, cung cấp sản phẩm Bia Sài Gòn cho toàn thị trường khu vực Sông Hậu. Đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu sản phẩm của Sabeco. Phấn đấu tăng thị phần bia Sài Gòn trong nước và hướng tới xuất khẩu sang các thị trường trong Khu vực.

#### **- Về sản xuất:**

Tập trung vào lĩnh vực sản xuất bia, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt coi trọng chất lượng, đẩy mạnh sản xuất đáp ứng yêu cầu của thị trường, đặt biệt là khu vực Miền Tây theo đơn đặt hàng của Công ty TNHH 01 TV Thương Mại Sa be co. Mục tiêu đến cuối năm 2013 khi dự án đầu tư mới Nhà máy Bia Sài Gòn Sóc Trăng trong khu Công nghiệp An nghiệp của tỉnh Sóc trăng hoàn thành, sản lượng sản xuất bia của Toàn Công ty đạt 100 triệu lít/năm. Thực hiện triệt để tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm được quan tâm hàng đầu, sản xuất phải an toàn và gắn sản xuất với bảo vệ môi trường thể hiện qua việc trong năm này Công ty duy trì thực hiện hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008; 22000:2005 và 14001: 2004.

#### **- Về đào tạo nguồn nhân lực:**

Kiên toàn, tuyển chọn tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh thời kỳ hội nhập và phát triển. Duy trì và thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008; 22000:2005 và 14001: 2004.

### **5.2. Chiến lược phát triển trung dài hạn:**

Bảo đảm sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty bằng việc đẩy mạnh sản xuất bia mang thương hiệu Bia Sài Gòn, tập trung vào ngành nghề chính, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần cùng Sabeco nâng cao uy tín thương hiệu, mở rộng thị phần tiêu thụ, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu cho Công ty, tham gia niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HoSe).

### **5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

#### **- Đối với Cộng đồng:**

+ Với tinh thần hướng đến người tiêu dùng, hướng tới cộng đồng. Công ty luôn nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn. Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm thực hiện công tác xã hội

11/10/13 10:10 AM



từ thiện như: đóng góp quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến học khuyến tài, xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương và một số công tác xã hội khác tại địa phương.

**- Đối với nhân viên:**

- + Giáo dục cán bộ công nhân viên tuân thủ Luật bảo vệ môi trường và các quy định yêu cầu, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn và thẩm quyền.
- + Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp. Thực hiện thường xuyên và có khoa học các chương trình vệ sinh quản lý chất thải Công ty.
- + Giáo dục cán bộ Công nhân viên trong công ty thực hiện các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Thực hiện việc kiểm tra sức khỏe kiểm tra y tế định kỳ cho người lao động.

**- Đối với môi trường:**

- + Không ngừng hoàn thiện và cải tiến công nghệ nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường. Tại các dự án do Công ty làm chủ đầu tư phong cách thiết kế luôn hướng tới môi trường sản xuất xanh.
- + Cải tiến công nghệ sử dụng nguồn nguyên nhiên liệu tự nhiên (Trấu) làm chất đốt thay cho dầu FO vừa tiết kiệm chi phí vừa hạn chế chất thải có hại ra môi trường.
- + Không sử dụng các thiết bị làm lạnh sử dụng CFC là chất phá hủy tầng ozon mà sử dụng Amoniac.
- + Luôn quan tâm công tác giám sát môi trường sau khi dự án đi vào hoạt động để kịp thời có các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu.

**6. Các rủi ro:**

- Do tình hình kinh tế khó khăn, giá điện, nhiên liệu tăng sẽ kéo theo giá nguyên vật liệu và các dịch vụ đầu vào sẽ tăng mạnh, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Trên thị trường hiện nay có nhiều sản phẩm Bia việc lựa chọn của người tiêu dùng cũng phong phú hơn, áp lực cạnh tranh càng gay gắt, đòi hỏi Công ty phát triển những dòng sản phẩm mới trước việc tiêu thụ Bia Sài Gòn 450ml càng lúc càng giảm, thị phần tiêu thụ bị thu hẹp. Tuy nhiên lãnh đạo Công ty quyết tâm đưa ra các giải pháp thích nghi để vượt qua những khó khăn hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.**

**+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Tỷ lệ %	
						TH/KH (2012)	TH/CK 2012/2011
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
1	Sản lượng sản xuất	Lít	51.565.164	51.000.000	52.764.180	103,46	102,33
	-Bia chai Sài Gòn 355	lít	40.245.448	43.000.000	47.500.611	110,47	118,03
	-Bia chai Sài Gòn 450	lít	11.238.516	8.000.000	5.231.169	65,39	46,55
	- Bia hơi	lít	81.200		32.400		39,90
2	Sản lượng tiêu thụ	Lít	53.376.273	51.000.000	52.464.823	102,87	126,69
	-Bia chai Sài Gòn 355	lít	41.411.709	43.000.000	47.312.953	110,03	114,25
	-Bia chai Sài Gòn 450	lít	11.883.114	8.000.000	5.119.470	63,99	43,08
	- Bia hơi	lít	81.450		32.400		39,78
3	Doanh thu (DT bán HHDV, DT TC, TNK...)	Đồng	576.752.265.543	530.089.966.093	562.121.045.731	106,04	97,46
4	Doanh thu thuần	Đồng	338.977.951.990	326.873.006.403	323.423.020.725	98,94	95,41
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	94.291.636.785	60.910.517.749	94.218.097.427	154,68	99,92
	<i>Trong đó : LN LD,LK</i>		<i>8.182.312.794</i>	<i>3.354.404.396</i>	<i>4.451.709.090</i>	<i>132,71</i>	<i>54,41</i>
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	83.319.547.807	52.846.584.196	84.156.327.106	159,25	101,04
7	Nộp Ngân sách	Đồng	231.870.283.218	248.014.235.492	224.806.156.128	90,64	96,95
8	Cổ tức	%	27	20	20	100	74,07
9	Thu nhập BQ/người/tháng	Đồng	8.161.373	8.161.000	7.877.538	96,53	96,52
10	Năng suất lao động	1000đg	2.563.343	2.255.701	2.465.443	109,30	97,46
11	Tổng số lao động	Người	225	235	228	97,02	100,00

### **+Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Trong năm 2012 mặc dù rất khó khăn nhưng Công ty đều hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu Kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đề ra

#### **Cụ thể:**

- Lợi nhuận trước thuế:            tăng 54,68% so với kế hoạch và giảm 0,08% so cùng kỳ
- Nộp Ngân sách Nhà nước    giảm 9,36% so với kế hoạch và giảm 3,05% so cùng kỳ
- Tổng Doanh thu:                tăng 6,04% so với kế hoạch và giảm 2,54% so cùng kỳ
- Thu nhập BQ/LĐ/tháng        giảm 3,47% so với kế hoạch và giảm 3,48% so cùng kỳ

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm cuối năm ở trạng thái rất lành mạnh.

## **2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

### **+ Danh sách ban Điều hành**

- Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên

- Bà Phạm Thị Hồng Hạnh      Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Đình Hùng        Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty
- Ông Trần Công Tước        Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Văn Đồi        Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Đỗ Văn Vẻ                Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên

- Ông Đồng Việt Trung        Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Lê Xuân khởi            Ủy viên ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Doanh      Ủy viên ban Kiểm soát

- Thành viên Ban giám đốc gồm 02 thành viên

- Ông Phạm Đình Hùng        Giám đốc Công ty
- Ông Lê Đăng Khoa            Phó Giám đốc Công ty

### **2.1. HỌ VÀ TÊN: PHẠM THỊ HỒNG HẠNH**

- Chức vụ                        : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giới tính                        : Nữ
- Ngày tháng năm sinh        : 24/11/1960
- Quốc tịch                        : Việt Nam
- Quê quán                        : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú         : 157/2 Nguyễn Chí Thanh, P12, Q5, Tp.HCM
- Điện thoại liên lạc         : 08 38294083 ;        0903 735 997

- Trình độ chuyên môn : Đại học (Kỹ sư điện tự động, Cử nhân kinh tế)
- Quá trình công tác
  - + 1983-1987 : Phó Quản đốc xưởng Động Lực-Cty Bia Sài Gòn  
Chủ tịch Công Đoàn Cty Bia Sài Gòn,
  - + 1987-12/2002 : Phó Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty Bia-Rượu-NGK Việt Nam
  - + 01/2003-6/2003 : UV HĐQT Bia-Rượu-NGK Việt Nam, Phó Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty Bia- Rượu- NGK Việt Nam
  - + 6/2003-12/2005 : UV HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát, Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
  - + 01/2006-6/2006 : Phó TGD, Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Sóc Trăng
  - + 6/2006 – 6/2008 : Phó TGD, Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn- Miền Tây.  
Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn – Nguyễn Chí Thanh thuộc Tổng Công ty, Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn- Miền Tây.
  - + 7/2008 – 4/2012
  - + 05/2012 đến nay : Tổng Giám đốc Tổng công ty, Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn – Nguyễn Chí Thanh thuộc Tổng Công ty, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn- Miền Tây.

## 2.2. HỌ VÀ TÊN: TRẦN CÔNG TƯỚC

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/10/1955
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 201/94 Hoàng Việt, P4, Q.Tân Bình, Tp.HCM
- Điện thoại liên lạc : 08. 38559595 ; 0913 284 688
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư – Master of Science - Brewmaster
- Quá trình công tác
  - + 1985 – 1989 : Công tác tại Xưởng chiết TCT Bia Rượu NGK Sài Gòn

- + 1989 – 1995 : Công tác tại Phòng Kỹ thuật TCT Bia Rượu NGK Sài Gòn
- + 1995 – 2003 : Công tác tại Xưởng Nấu bia TCT Bia Rượu NGK Sài Gòn
- + 2003 – 2006 : Công tác tại Sabeco, Trưởng ban Đầu tư – XDCB
- + 2006 – 8/2007 : Công tác tại Sabeco, Giám đốc Xưởng Lên men
- + 9/2007 - nay : Công tác tại SABECO, Phó Giám đốc Nhà máy Bia SG-Nguyễn Chí Thanh, Giám đốc điều hành kỹ thuật Tổng Công ty, Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Tây

### **2.3. HỌ VÀ TÊN: PHẠM ĐÌNH HÙNG**

- Chức vụ : Ủy viên Hội Đồng Quản trị - Giám đốc Công ty
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/08/1956
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : 350A Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, TPHCM
- Điện thoại liên lạc : 0710 3 843333 ; 0989 511 094
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác
  - + 1974 – 1989 : Tham gia quân đội nhân dân Việt Nam
  - + 1989 – 2004 : Chuyển ngành về công tác tại Cục Dự trữ Quốc gia – Chức vụ Phó Giám đốc.
  - + 2004 – 2006 : Trưởng kho Vật tư TCT Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
  - + 2006 – 2008 : Phó Trưởng Ban Cung ứng kiêm Trưởng phòng Kế hoạch mua hàng TCT Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
  - + 06/2008 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây

### **2.4. Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐỒI**

- Chức vụ : Ủy viên Hội Đồng Quản trị
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/05/1960
- Quốc tịch : Việt Nam

- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 43D/19 Hồ Văn Huê, P.9, Q. Phú Nhuận, TPHCM
- Điện thoại liên lạc : 0903 819 450
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế
- Quá trình công tác
  - + 1985 – 1988 : Kế toán Công ty Thực Phẩm II – Bộ Nội Thương  
Quản đốc Trạm thực phẩm Minh Hải Cty TP II
  - + 1989 – 1993 : Chuyên viên Phòng kinh doanh Cty Thực phẩm
  - + 1994 – 1998 : Tây Nam Bộ - Bộ Thương Mại  
Giám đốc Trung tâm Kinh doanh Rượu-Bia-NGK –  
Cty Thực phẩm và Dịch vụ Tổng Hợp – Bộ Thương  
Mại
  - + 1999 – 2006 : Phó Tổng Giám đốc Cty Thực phẩm và Dịch vụ  
Tồng hợp; Ủy viên HĐQT – Giám đốc CTCP Bia  
Sài Gòn Bạc Liêu; Ủy viên HĐQT Công ty CP Bia  
Sài Gòn Miền Tây
  - + 2007 - nay

## **2.5. Họ và tên: ĐỖ VĂN VÊ**

- Chức vụ : Ủy viên Hội Đồng Quản trị
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 26/3/1962
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 26 Tổ 20, P. Bồ Xuyên, TP. Thái Bình
- Điện thoại liên lạc : 03.6831011; 0913 291 870
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
  - + 1988 - 1992 : Phó Giám đốc xí nghiệp Dệt Nhuộm Hương Sen,  
Hưng Hà, Thái Bình
  - + 1992 – 1998 : Phó Giám đốc Công ty Xuất Nhập Khẩu Hương  
Sen, Hưng Hà, Thái Bình
  - + 1998 đến nay : Phó TGD Công ty sản xuất kinh doanh XNK  
Hương Sen, Hưng Hà, Thái Bình (Hãng Bia Đại  
Việt), Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn-  
Miền Tây.

## **2.6. Họ và tên: ĐỒNG VIỆT TRUNG**

- Chức vụ : Trưởng ban kiểm soát
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/07/1957
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : 158/67/27 Hoàng Hoa Thám, Tân Bình, TPHCM
- Điện thoại liên lạc : 08. 8294083; 0938 103 808
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh, cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác
  - + 04/1985 – 12/1985 : Kế Toán tổng hợp Công ty Thuốc Sát trùng Miền Nam
  - + 12/1985 – 07/1986 : Kế Toán tổng hợp Công ty Dầu Tường An
  - + 08/1986 – 08/1989 : Kế toán trưởng Cty Khách sạn Victory (Bộ Quốc Phòng).
  - + 08/1989 – 03/1991 : Kế toán Tổng hợp Nhà máy Bia Sài Gòn
  - + 04/1991 – 12/2001 : Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Nước Giải Khát Chương Dương
  - + 01/2002 – 06/2005 : Phó TGD Công ty Liên Doanh Malaysia Việt nam
  - + 06/2005 đến nay : Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Bia-Rượu-NGK Sài Gòn; Trưởng ban Kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn-Miền Tây

## 2.7. Họ và tên: LÊ XUÂN KHÔI

- Chức vụ : Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/05/1970
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú : Số 12/1 Nguyễn Trãi, P An Hội, Q Ninh Kiều, TP Cần Thơ
- Điện thoại liên lạc : 0913 489 887
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp cơ khí
- Quá trình công tác

- + Từ 24/12/2001 - 6/2002 : Nhân viên Tổ Động Lực - Bảo trì Nhà máy bia Sài Gòn - Cần Thơ
- + Từ 6/2002 - 8/2003 : Trưởng ca chiết Tổ Thành phẩm, Chủ tịch Công đoàn Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ
- + Từ 8/2003 - 8/2008 : Nhân viên quản lý thiết bị Tổ Thành phẩm Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ; Chủ tịch Công đoàn Công ty
- + Từ 8/2008 - 01/4/2010 : Tổ trưởng Tổ Thành phẩm Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ; Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây
- + Từ 01/4/2010 - 06/2012 : Phó phòng Hành chính tổng hợp Công ty; Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây
- + Từ 06/2013 đến nay : Phó Phòng Hành chính tổng hợp Công ty; Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây; Thành viên BKS Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây

## 2.8. Họ và tên: NGUYỄN VĂN DOANH

- Chức vụ : Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/05/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Hà Tây
- Địa chỉ thường trú : 558/37A Bình Quới, Q Bình Thạnh, TP HCM
- Điện thoại liên lạc : 0908 384 450
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:
  - + Từ 2003 - 2005 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Xây dựng & Thương Mại Sài Gòn 9
  - + Từ 2005 - 2006 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thiên Phú An



- + Từ 2006 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tây Đô
- + Từ 2007 đến nay : Phó Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu
- + Từ 2008 đến nay : Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Vĩnh Long
- + Từ 6/2012 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

**2.9. Họ và tên: TRƯƠNG THỊ MỸ HỒNG**

- Chức vụ : Trưởng phòng Tài chính – kiểm toán nội bộ
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 11/12/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú : 58A/3, KV2, P.Trà An, Q.Bình Thủy, Tp.Cần Thơ
- Điện thoại liên lạc : 0710.3843333; 0983 077969
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác
  - + 04/1998 – 11/2001 : Kế toán Công ty Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
  - + 12/2001 – 04/2005 : Phụ trách Kế toán Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ
  - + 05/2005 – 06/2006 : Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Cần Thơ
  - + 07/2006 -6/2012 : TP. Tài chính-Kế toán CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây
  - + 5/2012 - đến nay : TP. Tài chính-Kiểm toán nội bộ CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây

**2.10. Họ và tên: VÕ VĂN VÂN**

- Chức vụ : Phụ trách phòng kế toán

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/02/1968
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Bình Định
- Địa chỉ thường trú : 319 Nguyễn Văn Linh, P.2, TP. Sóc Trăng, ST
- Điện thoại liên lạc : 0710.3843333;
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác
  - + 10/1999 – 02/2002 : Kế toán trưởng Công ty Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
  - + 10/2002 – 03/2005 : Phó phòng Kế toán Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
  - + 04/2005 – 07/2006 : Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
  - + 08/2006 -4/2012 : PP. Tài chính-Kế toán Cty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây
  - + 5/2012- đến nay : Phụ trách Phòng kế toán Cty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và những người có liên quan:**

Số cổ phần đại diện cho Sabeco: Ông Phạm Đình Hùng cùng với bà Phạm Thị Hồng Hạnh, ông Trần Công Tước cùng đại diện cho 51% số cổ phần của Sabeco tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây, không chia tách riêng tỷ lệ % cổ phần

**Bà Phạm Thị Hồng Hạnh:** Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	43.250 CP	(tỷ lệ: 0,3%)
Những người có liên quan:	Phạm Hồng Minh (anh) – Số cổ phần: 20.000 CP	(tỷ lệ 0,14%)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không	

**Ông Phạm Đình Hùng:** Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:	00 CP	(tỷ lệ: 00,00%)
Những người có liên quan:	Đỗ Thị Diệp (vợ) – Số cổ phần: 21.400 CP	(tỷ lệ 0,15%)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không	

**Ông Trần Công Tước:** Ủy viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 0 CP  
Những người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**Ông Nguyễn Văn Đồi:** Ủy viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 637.300 CP (tỷ lệ: 4,40%)  
Số cổ phần đại diện cho Sabeco: 0 CP  
Những người có liên quan: Nguyễn Thị Phương Khanh (vợ) – Số cổ phần: 722.000 CP (tỷ lệ: 4,98%)  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**Ông Đỗ Văn Vê:** Ủy viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 75.000 CP (tỷ lệ: 0,52%)  
Số cổ phần đại diện cho Sabeco: 0 CP  
Những người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**Ông Đồng Việt Trung:** Trưởng Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 0 CP  
Số cổ phần đại diện cho Sabeco: 0 CP  
Những người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**Ông Lê Xuân Khởi:** Ủy viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 5.180 CP (tỷ lệ: 0,04%)  
Số cổ phần đại diện cho Sabeco: 0 CP  
Những người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**Ông Nguyễn Văn Doanh:** Ủy viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 0 CP  
Số cổ phần đại diện cho Sabeco: 0 CP  
Những người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**+ Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2012.**

Stt	Họ và tên	Chức vụ trước khi thay đổi	Chức vụ sau khi thay đổi	Thời điểm thay đổi	Lý do
1	Nguyễn Ngọc Huyền	Ủy viên BKS		6/2012	Không ứng cử nhiệm kỳ mới
2	Đỗ Thị Lệ Thanh	Ủy viên BKS		6/2012	Không ứng cử nhiệm kỳ mới
3	Lê Xuân Khởi		Ủy viên BKS	6/2012	Trúng cử BKS NK 2012-1017
4	Nguyễn Văn Doanh		Ủy viên BKS	6/2012	Trúng cử BKS NK 2012-1017
5	Trương Thị Mỹ Hồng	TP Kế Toán -TC		5/2012	Bổ nhiệm TP TC- Kiểm Toán Nội bộ
6	Võ Văn Vân		Phụ Trách Kế Toán	5/2012	Bổ nhiệm làm Phụ Trách Kế Toán

Tổng số CNV trong danh sách tại thời điểm 31/12/2012: 228 người.

**+ Chính sách đối với người lao động.**

- Công ty thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các văn bản Pháp luật của Nhà nước về chính sách đối với người lao động như: Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, các văn bản hướng dẫn dưới luật, ...

- Chế độ làm việc: Bộ phận nghiệp vụ làm việc theo giờ hành chính. Bộ phận trực tiếp sản xuất làm việc theo chế độ 03 ca, mỗi ca 08 giờ, mỗi tuần 48 giờ. Các ngày lễ, tết, phép, ngày nghỉ hàng tuần được thực hiện theo Bộ luật Lao động.

- Chế độ đào tạo, tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng lao động, cho thôi việc: Thực hiện theo quy định hiện hành của Pháp luật về Lao động.

- Chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi:

+ Hệ thống thang, bảng lương, chế độ phụ cấp lương, chế độ xếp nâng bậc lương: Công ty áp dụng theo quy định của Nhà Nước về "thang bậc lương và chế độ xếp, nâng bậc lương" đối với Công ty Nhà Nước tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ. Ngoài ra Công ty xây dựng chính sách tiền lương sản phẩm riêng thông qua qui chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo Quy định của Nhà nước. Hệ số lương sản phẩm được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của

từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty

+ Chế độ phân phối tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi: Công ty thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Công ty đã khuyến khích cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, đóng góp cho công ty, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ trên thành tích của từng cá nhân và tập thể trong việc thực hiện công việc đạt hiệu quả cao, có sáng kiến cải tiến công việc ... Ngoài ra Công ty còn có chế độ thưởng lương vào cuối năm, tùy thuộc vào kết quả sản xuất kinh của Công ty trong năm mà số lượng thưởng sẽ tăng giảm tương ứng

- Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích làm việc, Công ty đã thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ công nhân viên của Công ty mua cổ phần với giá ưu đãi lúc Công ty chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a. Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư chiều sâu Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ nâng công suất lên 50 triệu lít/năm bia chai Sài Gòn 355. Đầu tư hoàn chỉnh Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng thuộc Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng tại Khu công nghiệp An Nghiệp Sóc Trăng với công suất 50 triệu lít/năm cho sản phẩm Bia lon Sài Gòn 333 vào năm 2013.

#### b. Các Công ty con, các Công ty liên kết:

(Công ty liên kết : Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu )

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	% tăng (+) giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	360.618.048.321	324.830.032.597	- 9,92
2	Doanh thu thuần	Đồng	222.726.878.731	263.192.572.410	+ 18,17
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Đồng	52.001.959.773	50.043.081.004	- 3,77
4	Lợi nhuận khác	Đồng	3.589.545	6.697.862	+ 86,60
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	52.005.549.318	50.049.778.866	-3,76
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	52.005.549.318	46.282.545.451	-11,00

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	% tăng (+) giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	423.852.618.533	521.501.130.766	+ 23,04
2	Doanh thu thuần	Đồng	338.977.951.990	323.423.020.725	- 4,59
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Đồng	85.809.665.361	88.901.183.050	+ 3,6
4	Lợi nhuận khác	Đồng	299.658.630	865.205.287	+ 188,73
5	Lợi nhuận công ty LK,LD	Đồng	8.182.312.794	4.451.709.090	- 45,59
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	94.291.636.785	94.218.097.427	- 0,08
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	83.319.547.807	84.156.327.106	+ 1,00
7	Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	27	20	- 25,93

Kế hoạch chia cổ tức theo đại hội cổ đông năm 2012: >20%

Đã tạm ứng 2012 là: 18%. Mức chia cổ tức thực tế 2012 do đại hội cổ đông năm 2013 quyết định.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Năm 2011

Năm 2012

1- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn (Rc) (Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn)	2,05 lần	2,13 lần
Hệ số thanh toán nhanh (Rq) [(Tài sản ngắn hạn – HTK)/Tổng nợ ngắn hạn]	1,75 lần	1,79 lần

2- Các hệ số cơ cấu vốn

Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	26,78%	33,98%
Hệ số NVCSH/Tổng nguồn vốn	73,22%	66,02%

3- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Trị giá hàng tồn kho bình quân)	6,32 lần	5,77 lần
Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu thuần/Số dư bình quân các khoản phải thu)	10,25 lần	3,17 lần

Vòng quay vốn chủ sở hữu (Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu bình quân)	1,13 lần	0,99 lần
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,80 lần	0,62 lần

4- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Hệ số LNST/Doanh thu thuần (Rp)	24,57%	26,02%
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (Re)	26,84%	24,44%
Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	19,66%	16,13%

5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần :

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành( Cổ phần thường, cổ phần ưu đãi...)
  - + Cổ phần thường : 14.500.000 cổ phần
  - + Cổ phần ưu đãi: Không
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và hạn chế chuyển nhượng
  - + Cổ phần thường: 14.500.000 cổ phần
  - + Cổ phần ưu đãi: Không

b) Cơ cấu Cổ Đông:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông
- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông đến 21/12/2012

Stt	Danh mục	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.500.000	145.000.000.000	100,00%
2	Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn)	7.395.000	73.950.000.000	51,00%
3	Cổ đông đặc biệt	1.524.130	15.241.300.000	10,51%
3.1	Hội đồng quản trị	1.518.950	15.189.500.000	10,48%
3.2	Ban Kiểm soát	5.180	51.800.000	0,03%
3.3	Ban giám đốc	-		
3.4	Phụ trách kế toán	0	0	0%
4	Cổ đông trong Công ty	168.364	1.683.640.000	1,16%
5	Cổ đông ngoài Công ty	5.412.506	54.125.060.000	37,33%
5.1	Cổ đông là tổ chức	1.053.745	9.427.450.000	7,27%
5.2	Cổ đông là cá nhân	4.358.761	43.587.610.000	30,06%

**- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn :**

**+ Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Địa chỉ liên lạc: 06 Hai Bà Trưng, Q1, Tp.HCM

ĐT: 08 3 8294083 Fax: 08 3 8244383

Ngành nghề hoạt động chính: Sản xuất kinh doanh Bia - Rượu - Nước giải khát

Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 7.395.000; Tỷ lệ: 51,00%

Trong đó: Sở hữu vốn Nhà nước: 6.625.126; Tỷ lệ: 45,69%

Sở hữu cổ đông thiểu số: 769.874; Tỷ lệ: 5,31%

**- Cổ đông nước ngoài**

Stt	Danh mục	Số cổ phần năm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nước ngoài	2.035.900	20.539.000.000	14,04%
	Cổ đông là tổ chức	799.700	7.997.000.000	5,52%
	Cổ đông là cá nhân	1.236.200	12.362.000.000	8,52%

**Ghi chú:** Đây là cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 21/12/2012

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu : Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Phân tích tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Tỷ lệ %	
						TH 2012/2011	TH/KH (2012)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Doanh thu (DT bán HHDV, DT tài chính, thu nhập khác)	Đồng	576.752.265.543	530.089.966.093	562.121.045.731	97,46	106,04
2	Doanh thu thuần	Đồng	338.977.951.990	326.873.006.403	323.423.020.725	95,41	98,94
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	94.291.636.785	60.910.517.749	94.218.097.427	99,92	154,68
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	83.319.547.807	49.492.179.800	84.156.327.106	101,04	170,04
5	Nộp Ngân sách	Đồng	231.870.283.218	248.014.235.492	224.806.156.128	96,95	90,64
6	Cổ tức	%	27	20	20	74,07	100
7	Thu nhập BQ/người/tháng	Đồng	8.161.373	8.161.000	7.877.538	96,52	96,53
8	Năng suất lao động	1000đg	2.563.343	2.255.701	2.465.443	97,46	109,30



**+ Những tiến bộ Công ty đã đạt được.**

- Xây dựng và thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và ISO 22000.
- Tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất bia mang thương hiệu Bia Sài Gòn của Sabeco.

**2. Tình hình tài chính.**

**a) Tình hình tài sản :**

- Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 cho thấy tổng giá trị tài sản tăng 97,64 tỷ đồng.
- + Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 42,77 tỷ đồng do giải ngân theo tiến độ dự án đầu tư.
- + Phải thu ngắn hạn: Phải thu khách hàng giảm 19,45 tỷ đồng, Công ty đã thực hiện tốt việc quản lý công nợ bán hàng, đồng thời tăng khoản trả trước người bán 131,76 tỷ đồng chủ yếu trả theo tiến độ hợp đồng đầu tư.
- + Có 14 tỷ đồng là khoản tăng do đầu tư trực tiếp mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang tăng 19,65 tỷ đồng

Điều này cho thấy Công ty đẩy mạnh đầu tư vào các dự án để sớm đưa vào sử dụng đáp ứng nhu cầu cung cấp sản phẩm cho người tiêu dùng, tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty.

**b) Tình hình nợ phải trả**

Nợ phải trả tăng 63,71 tỷ đồng. Trong đó, phát sinh khoản vay dài hạn 27,1 tỷ đồng giải ngân cho dự án đầu tư tại Nhà máy Sóc Trăng mới, phần còn lại là tăng các khoản nợ phải trả khác.

+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của doanh nghiệp thể hiện năng lực tài chính có thể đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2012 là  $2,13 > 1$  và tăng so năm 2011 cho thấy khả năng trả nợ ngắn hạn của Công ty là rất an toàn.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý :**

Để đáp ứng sự phát triển của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý Công ty đã thành lập mới phòng Tài Chính – KSNB với chức năng, nhiệm vụ như đã nêu ở trên.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:** là Công ty sản xuất cung cấp bia mang thương hiệu Bia Sài Gòn chủ lực của khu vực Miền Tây.

**5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán :** Không

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

##### **+ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- Theo đánh giá của Hội đồng quản trị là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế Việt Nam với tốc độ tăng trưởng chậm, lạm phát được kiềm chế nhưng thị trường sản xuất đình trệ thiếu vốn, hàng tồn kho tăng cao. Mặt khác các năm qua giá cả các yếu tố đầu vào không ổn định làm ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên với nền tảng kinh nghiệm vững chắc, được Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu NGK Sài Gòn với uy tín thương hiệu tốt được người tiêu dùng tin nhiệm, Công ty TNHH 01 TV Thương Mại Sa be co chỉ đạo và tạo thuận lợi, các cấp các ngành trong tỉnh quan tâm. Tập thể người lao động trong công ty đoàn kết thống nhất. Bộ máy điều hành đã có nhiều cải tiến trong quản lý đưa ra nhiều giải pháp triển khai hợp lý sáng tạo trên các mặt công tác: sắp xếp tổ chức, đầu tư, điều hành hoạt động, kiểm tra giám sát, giải quyết hài hòa các mối quan hệ, quan tâm đảm bảo lợi ích doanh nghiệp khách hàng, đối tác, người lao động.

##### **+ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao cho Ban giám đốc triển khai mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua hệ thống các nghị quyết, các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị định kỳ cũng như đột xuất, kết quả là hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra của năm 2012.

##### **+ Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị :**

- Chiến lược phát triển Công ty: đẩy mạnh sản xuất bia mang thương hiệu Bia Sài Gòn với chất lượng là hàng đầu, lấy hiệu quả kinh tế làm nền tảng cho sự phát triển. Nâng cao uy tín thương hiệu, mở rộng thị phần tiêu thụ, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu cho Công ty. Chủ động phát huy mọi nguồn lực để nâng cao sức cạnh tranh trong xu thế hội nhập, đảm bảo đủ việc làm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, thực hiện công tác an sinh xã hội
- Tiếp tục củng cố kiện toàn đội ngũ cán bộ.
- Tham gia niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HoSe).

**V. Quản trị công ty**

**1. Hội đồng Quản trị**

**a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

**- Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên**

- Bà Phạm Thị Hồng Hạnh                      Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Đình Hùng                      Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty
- Ông Trần Công Tước                      Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Văn Đồi                      Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Đỗ Văn Vê                              Ủy viên Hội đồng quản trị

**- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và những người có liên quan:**

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần**

Số cổ phần đại diện cho Sabeco: Ông Phạm Đình Hùng cùng với bà Phạm Thị Hồng Hạnh, ông Trần Công Tước cùng đại diện cho 51% số cổ phần của Sabeco tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây, không chia tách riêng tỷ lệ % cổ phần

**Bà Phạm Thị Hồng Hạnh: Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:                      43.250 CP                      (tỷ lệ: 0,3%)  
 Những người có liên quan:                      Phạm Hồng Minh (anh) – Số cổ phần: 20.000 CP                      (tỷ lệ 0,14%)  
 Hành vi vi phạm pháp luật:                      Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty:                      Không

**Ông Phạm Đình Hùng: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty**

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:                      00 CP                      (tỷ lệ: 00,00%)  
 Những người có liên quan:                      Đỗ Thị Diệp (vợ) – Số cổ phần: 21.400 CP                      (tỷ lệ 0,15%)  
 Hành vi vi phạm pháp luật:                      Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty:                      Không

**Ông Trần Công Tước: Ủy viên Hội đồng quản trị**

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:                      0 CP  
 Những người có liên quan:                      Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật:                      Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty:                      Không

**Ông Nguyễn Văn Đồi: Ủy viên Hội đồng quản trị**

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân:                      637.300 CP                      (tỷ lệ: 4,40%)  
 Số cổ phần đại diện cho Sabeco:                      0 CP  
 Những người có liên quan:                      Nguyễn Thị Phương Khanh (vợ) – Số cổ phần: 722.000 CP                      (tỷ lệ: 4,98%)  
 Hành vi vi phạm pháp luật:                      Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty:                      Không

**Ông Đỗ Văn Vê:** Ủy viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 75.000 CP (tỷ lệ: 0,52%)  
 Số cổ phần đại diện cho Sabeco: 0 CP  
 Những người có liên quan: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**b). Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị hoạt động theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Trong năm Hội đồng quản trị đã họp thường kỳ và đột xuất để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2012 là tốt, thể hiện việc thường xuyên có các cuộc họp và nghị quyết, cụ thể như sau :

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2012/NQ - HĐQT	02/03/2012	Thông qua việc xin chủ trương SABECO đầu tư sửa chữa thay thế Nhà nấu NM Bia SG-CT
2	02/2012/NQ - HĐQT	05/03/2012	Thông qua chủ trương phê duyệt Dự án đầu tư mới NM Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
3	03/2012/NQ - HĐQT	21/03/2012	Thông nhất bổ nhiệm cán bộ Phòng Tài chính kiểm toán nội bộ, Phòng Kế toán Công ty
4	04/2012/NQ - HĐQT	23/04/2012	Thông qua kế hoạch đấu thầu Dự án đầu tư mới NM Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
5	05/2012/NQ - HĐQT	05/05/2012	Thông nhất chủ trương chuyển nhượng cổ phiếu Công ty CP LTTP Sabeco
6	06/2012/NQ - HĐQT	19/05/2012	Thông qua kế hoạch tài chính năm 2012 và tài liệu trình Đại Hội cổ đông thường niên 2012
7	07/2012/NQ - HĐQT	09/06/2012	NQ ĐHCĐ thường niên năm 2012
8	08/2012/NQ - HĐQT	09/06/2012	Phê duyệt kết quả bầu CT ĐHQT, Giám đốc Công ty
9	09/2012/NQ - HĐQT	06/2012	Thông qua việc đầu tư thay thế nhà nấu tại Nhà máy Bia SG-CT
10	10/2012/NQ - HĐQT	19/07/2012	Thông qua các nội dung điều hành SXKD 6 tháng đầu năm và KH 6 tháng cuối năm 2012
11	11/2012/NQ - HĐQT	27/08/2012	Thông qua chủ trương tạm dừng việc thuê dây chuyền chiết chai của Bia Sài Gòn

12	12/2012/NQ - HĐQT	30/08/2012	Phê duyệt chủ trương hỗ trợ vốn cho dự án; Đồng ý chủ trương vay vốn ngân hàng, Giao Công ty TNHH MTV thực hiện.
13	13/2012/NQ - HĐQT	17/10/2012	Chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2012
14	14/2012/NQ - HĐQT	06/12/2012	Chi tạm ứng cổ tức đợt 2/2012
15	15/2012/NQ - HĐQT	31/12/2012	Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

## 2. Ban kiểm soát.

### a) Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên

- |                        |                       |
|------------------------|-----------------------|
| - Ông Đồng Việt Trung  | Trưởng ban Kiểm soát  |
| - Ông Lê Xuân khởi     | Ủy viên ban Kiểm soát |
| - Ông Nguyễn Văn Doanh | Ủy viên ban Kiểm soát |

### b) Hoạt động của Ban Kiểm soát

Định kỳ, tiến hành kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy chế phù hợp với Điều lệ Công ty, luật doanh nghiệp.

Thẩm định các số liệu của báo cáo tài chính các kỳ trong năm.

Kiểm tra việc thực hiện các nội dung nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên.

Kết hợp với các Phòng chuyên môn Công ty tiến hành kiểm tra các mặt hoạt động của Công ty.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Ban kiểm soát .

### a) Lương, Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, thành viên ban Kiểm soát:

- |                                   |                        |
|-----------------------------------|------------------------|
| - Thù lao của Hội đồng quản trị : | 456.000.000 đồng/năm   |
| Chủ tịch HĐQT:                    | 10.000.000 đồng/ tháng |
| Ủy viên HĐQT:                     | 7.000.000 đồng/ tháng  |
| - Thù lao Ban Kiểm soát:          | 180.000.000 đồng/năm   |
| Trưởng Ban kiểm soát:             | 7.000.000 đồng/ tháng  |
| Ủy viên Ban kiểm soát:            | 4.000.000 đồng/ tháng  |

**b) Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc: 1.276.918.869 đồng/năm**

Giám đốc	:	50.000.000 đồng/ tháng
Phó Giám đốc	:	30.000.000 đồng/ tháng

**c) Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ**

**Ông Nguyễn Văn Đồi - Ủy Viên Hội đồng quản trị:**

Mua thêm số cổ phần là: 92.500CP bằng hình thức đăng ký giao dịch khớp lệnh và giao dịch thỏa thuận, thời gian thực hiện (03/12 đến 07/12/2012). Nâng tổng số cổ phần sở hữu lên là 637.300CP (tỷ lệ 4,4%)

**Bà Nguyễn Thị Phương Khanh: Vợ của ông Nguyễn Văn Đồi-Ủy Viên Hội đồng quản trị**

Mua thêm số cổ phần là: 302.800CP (13/01 đến 16/01/2012) và 96.600CP (26/11 đến 30/11/2012) bằng hình thức đăng ký giao dịch khớp lệnh và giao dịch thỏa thuận. Nâng tổng số cổ phần sở hữu lên là 722.000CP (tỷ lệ 4,98%)

**d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không**

**e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam Việt (AASCS)

- Ý kiến kiểm toán độc lập: **“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan”.**

- Các nhận xét đặc biệt : Không

**2. Báo cáo tình hình tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ các khoản nợ.

- **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ các khoản thuế theo luật thuế quy định và đã được nhận nhiều bằng khen, giấy khen từ Địa phương đến Trung ương trong công tác thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

**- Trích lập các quỹ theo luật định và điều lệ Công ty**

Hằng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Số dư các quỹ như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2009
Quỹ Đầu tư phát triển	99.252.198.996	78.599.091.291	56.630.742.287	48.622.412.103
Quỹ dự phòng tài chính	14.500.000.000	11.942.056.575	8.319.046.055	6.628.764.406

**- Tình hình công nợ:**

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2009
<b>CÁC KHOẢN PHẢI THU</b>	<b>157.964.604.800</b>	<b>46.019.260.077</b>	<b>20.154.079.530</b>	<b>102.877.394.804</b>
1. Phải thu khách hàng	19.147.614.240	38.599.794.321	10.979.525.123	68.358.945.640
2. Trả trước cho khách hàng	134.823.444.989	3.058.614.743	7.060.214.707	34.376.446.034
3. Các khoản phải thu khác	4.641.545.531	5.008.851.013	2.762.339.700	636.551.933
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(648.000.000)	(648.000.000)	(648.000.000)	(494.548.803)
<b>CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ</b>	<b>177.208.567.009</b>	<b>113.495.209.572</b>	<b>61.018.520.676</b>	<b>165.718.266.760</b>
<b>I. NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>149.922.258.454</b>	<b>113.227.248.519</b>	<b>61.018.520.676</b>	<b>165.718.266.760</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	24.500.000.000		400.000.000	43.928.948.076
2. Phải trả người bán	19.297.962.809	37.382.830.992	15.196.122.463	85.027.006.933
3. Người mua trả tiền trước		2.974.430	13.631.350	25.695.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	83.347.234.392	52.451.323.378	31.419.285.773	24.484.434.225
5. Phải trả người lao động	5.938.565.574	3.838.563.292	3.548.020.760	3.388.630.941
6. Chi phí phải trả	1.092.650.775	668.229.608	549.335.787	302.562.623
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác.	17.700.551.520	18.985.741.901	11.782.463.804	9.574.543.390
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.954.706.616)	(102.415.082)	(1.890.339.261)	(1.013.554.828)
<b>II. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>27.286.308.555</b>	<b>267.961.053</b>	<b>6.585.000.000</b>	<b>18.980.000.000</b>
1. Vay và nợ dài hạn	27.096.308.555		6.480.000.000	18.820.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	190.000.000	190.000.000	105.000.000	160.000.000
3. Thuế TNDN hoãn lại phải trả			0	0
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		77.961.053	0	0

- Đầu tư dài hạn

	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2009
Interfood – IFS (7.200CP)				252.000.000
DIC Vũng Tàu (138.153CP)	2.155.186.800	2.155.186.800	2.155.186.800	2.155.186.800
Công ty CP Bia NGK Sài Gòn -Tây Đô	10.100.000.000	10.100.000.000	10.100.000.000	10.100.000.000
Công ty CP Nhựa Tân Hoá – VKP (100.000CP)		-	-	3.500.000.000
Công ty CPĐT&PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long (1.281.500CP)		-	-	12.500.000.000
Tổng Công ty CP Bia Rượu – NGK Sài Gòn (Sabeco) – 100.000CP	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty CP quản lý quỹ Sabeco – SBF1 (7.000CCQ)		7.140.000.000	7.140.000.000	7.140.000.000
Công ty CP Lương Thực Thực Phẩm Sabeco (67.500CP)		675.000.000	675.000.000	675.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.255.186.800</b>	<b>27.070.186.800</b>	<b>27.070.186.800</b>	<b>43.322.186.800</b>

- Trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn:

	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2009
Interfood – IFS (7.200CP)	-	-	-	184.320.000
Công ty CP Nhựa Tân Hoá – VKP (100.000CP)	-	-	-	2.500.000.000
Tổng Công ty CP Bia Rượu – NGK Sài Gòn – Sabeco (100.000CP)	1.600.000.000	3.850.000.000	3.150.000.000	
Công ty Cp Kinh doanh Lương Thực - Thực phẩm Sabeco		5.197.380	52.030.379	
Quỹ đầu tư Sabeco SBF1		159.817.000	601.265.000	
<b>Tổng</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>4.015.014.380</b>	<b>3.803.295.379</b>	<b>2.684.320.000</b>



## 2.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản :

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán

### 2.1.1 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>319.726.455.419</b>	<b>232.683.146.072</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>03</b>	<b>107.774.595.427</b>	<b>150.550.932.249</b>
1. Tiền	111		1.062.095.427	527.503.465
2. Các khoản tương đương tiền	112		106.712.500.000	150.023.428.784
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>157.964.604.800</b>	<b>46.019.260.077</b>
1. Phải thu khách hàng	131		19.147.614.280	38.599.794.321
2. Trả trước cho người bán	132		134.823.444.989	3.058.614.743
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	<b>04</b>	4.641.545.531	5.008.851.013
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	<b>05</b>	(648.000.000)	(648.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>06</b>	<b>51.555.506.190</b>	<b>34.603.736.264</b>
1. Hàng tồn kho	141		52.021.491.656	35.074.041.262
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(465.985.466)	(470.304.998)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.431.749.002</b>	<b>1.509.217.482</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		894.844.748	1.093.295.076
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.074.504.254	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>07</b>	462.400.000	415.922.406
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>201.774.675.347</b>	<b>191.169.472.461</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>117.482.726.518</b>	<b>110.878.928.699</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>08</b>	97.149.950.539	100.159.842.633
- Nguyên giá	222		236.578.210.421	222.030.408.798
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(139.428.259.882)	(121.870.566.165)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>09</b>	2.990.803.084	3.061.633.592
- Nguyên giá	228		3.689.663.142	3.677.163.142
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(698.860.058)	(615.529.550)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>10</b>	17.341.972.895	7.657.452.474
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>45.004.498.156</b>	<b>47.196.958.422</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		27.349.311.356	24.141.786.002
3. Đầu tư dài hạn khác	258		19.255.186.800	27.070.186.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(1.600.000.000)	(4.015.014.380)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>39.287.450.673</b>	<b>33.093.585.340</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12</b>	39.284.450.673	33.090.585.340
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	3.000.000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>521.501.130.766</b>	<b>423.852.618.533</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>177.208.567.009</b>	<b>113.495.209.572</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>149.922.258.454</b>	<b>113.227.248.519</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	<b>13</b>	24.500.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		19.297.962.809	37.382.830.992
3. Người mua trả tiền trước	313		-	2.974.430
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>14</b>	83.347.234.392	52.451.323.378
5. Phải trả người lao động	315		5.938.565.574	3.838.563.292
6. Chi phí phải trả	316	<b>15</b>	1.092.650.775	668.229.608
7. Phải trả nội bộ	317		-	-

8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	<b>16</b>	17.700.551.520	18.985.741.901
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1.954.706.616)	(102.415.082)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.286.308.555</b>	<b>267.961.053</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	<b>17</b>	190.000.000	190.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	<b>18</b>	27.096.308.555	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	77.961.053
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>344.292.563.757</b>	<b>310.357.408.961</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>344.292.563.757</b>	<b>310.357.408.961</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		145.000.000.000	145.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		99.252.198.996	78.599.091.291
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.500.000.000	11.942.056.575
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		85.540.364.761	74.816.261.095
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>521.501.130.766</b>	<b>423.852.618.533</b>

**2.1.2 BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Năm 2012**

*Đơn vị tính: VND*

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>537.305.922.730</b>	<b>545.933.839.341</b>
02	2. Các khoản giảm trừ	21	213.882.902.005	206.955.887.351
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>22</b>	<b>323.423.020.725</b>	<b>338.977.951.990</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	23	248.496.053.769	263.653.058.353
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>74.926.966.956</b>	<b>75.324.893.637</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	23.741.381.916	22.041.796.650
22	7. Chi phí tài chính	25	(2.291.562.703)	752.770.667
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		123.384.177	541.051.666
24	8. Chi phí bán hàng		50.334.381	44.684.680
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12.008.394.144	10.759.569.579
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>88.901.183.050</b>	<b>85.809.665.361</b>
31	11. Thu nhập khác		1.073.741.085	594.316.758
32	12. Chi phí khác		208.535.798	294.658.128
40	13. Lợi nhuận khác		865.205.287	299.658.630
45	14. Lãi/lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh		4.451.709.090	8.182.312.794
<b>50</b>	<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>94.218.097.427</b>	<b>94.291.636.785</b>
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	10.061.770.321	10.972.088.978
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
<b>60</b>	<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>84.156.327.106</b>	<b>83.319.547.807</b>
<b>61</b>	<b>18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</b>		-	-
<b>62</b>	<b>18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>		<b>84.156.327.106</b>	<b>83.319.547.807</b>
<b>70</b>	<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>27</b>	<b>5.804</b>	<b>5.746</b>

**2.1.3 BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	586.549.548.536	572.886.402.542
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(381.083.162.970)	(217.533.212.290)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(21.264.696.551)	(21.152.263.478)
4. Tiền chi trả lãi vay	(60.594.365)	(541.051.666)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	(13.266.048.764)	(11.971.499.461)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	242.875.356.164	85.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(443.340.104.023)	(238.803.235.903)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(29.589.701.973)</b>	<b>82.970.139.744</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(12.909.980.323)	(11.221.432.771)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	4.233.660.034
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(16.018.000.000)	(3.880.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24.485.675.427	53.580.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	18.620.988.280	23.323.006.207
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>14.178.683.384</b>	<b>66.035.233.470</b>

**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	56.535.465.600	11.300.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(45.305.673.000)	(18.180.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(37.944.352.500)	(43.341.729.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(26.714.559.900)</b>	<b>(50.221.729.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(42.125.578.489)</b>	<b>98.783.643.714</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>149.900.173.916</b>	<b>51.767.288.535</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>107.774.595.427</b>	<b>150.550.932.249</b>

**2.1.4 BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp ngày 13/04/2005 cho Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06/06/2006 về việc đổi tên Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây trên cơ sở hợp nhất giữa hai công ty.

Trụ sở chính: Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát. Kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu. Kinh doanh địa ốc. Kinh doanh nhà hàng, văn phòng, nhà kho, bãi. Chế biến kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi trồng thủy hải sản. Kinh doanh vật tư nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành sản xuất bia, nước giải khát. Vận tải hàng hóa đường bộ.

Hình thức sở hữu vốn:

Là công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 145.000.000.000 đồng. Vốn góp thực tế tại thời điểm 31/12/2012 là 145.000.000.000 đồng.

**Số lượng các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:**

**Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng**

Tỷ lệ sở hữu vốn và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 100%. Tại thời điểm 31/12/2012 tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ đạt 100 %.

11/5/2013 10:00:00 AM

Địa chỉ: Lô S, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: không có.

**Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

**Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Tỷ lệ sở hữu vốn và quyền biểu quyết là 20%.

Địa chỉ: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

Danh sách các công ty liên kết, liên doanh ngừng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất: không có.

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

11/11/2012 10:00 AM

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính:

- Nhà cửa - vật kiến trúc: 05 - 25 năm.
- Máy móc, thiết bị: 05 - 10 năm.
- Phương tiện vận tải: 06 - 10 năm.
- Thiết bị văn phòng: 03 - 08 năm.
- Quyền sử dụng đất : 35 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Ảnh hưởng đáng kể khi nhà đầu tư sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty



liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Các khoản lỗ của công ty liên doanh, liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên doanh, liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát

sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán có liên quan.

#### Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân Đối kế toán hợp nhất.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

### Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:

- + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

<b>3. TIỀN</b>	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	43.273.408	90.340.520
Tiền gửi ngân hàng	1.018.822.019	437.162.945
Các khoản tương đương tiền	106.712.500.000	150.023.428.784
<b>Tổng cộng</b>	<b>107.774.595.427</b>	<b>150.550.932.249</b>

<b>4.CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.917.400.000	3.868.000.000
Phải thu về BHXH	-	-
Phải thu lãi tiền gửi	464.043.205	1.050.922.174

WSB hỗ trợ thực hiện dự án Cty TNHH MTV Bia SG-ST	-	-
Phải thu khác	260.102.326	89.928.839
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.641.545.531</b>	<b>5.008.851.013</b>

<b>5.DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI</b>	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Phong	(648.000.000)	(648.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(648.000.000)</b>	<b>(648.000.000)</b>

<b>6.HÀNG TỒN KHO</b>	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	139.280.522
Nguyên liệu, vật liệu	38.488.265.398	22.803.604.803
Công cụ, dụng cụ	133.523.316	2.718.321.046
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.091.618.572	9.386.946.752
Thành phẩm	1.333.584.370	25.888.139
Hàng hóa	2.974.500.000	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(465.985.466)	(470.304.998)
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.555.506.190</b>	<b>34.603.736.264</b>

<b>7.TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	112.878.360
Tạm ứng	457.400.000	298.044.046
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	5.000.000	5.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>462.400.000</b>	<b>415.922.406</b>

**TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	31.057.965.250	178.824.012.280	6.284.623.685	5.863.807.583	222.030.408.798
2. Số tăng trong năm	-	12.348.013.486	2.083.569.092	1.705.085.556	16.136.668.134
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua sắm mới	-	12.348.013.486	2.083.569.092	1.705.085.556	16.136.668.134
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	274.951.540	898.215.371	188.105.992	227.593.608	1.588.866.511
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	157.719.864	188.105.992	227.593.608	573.419.464
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Giảm khác	274.951.540	740.495.507	-	-	1.015.447.047
4. Số dư cuối năm	30.783.013.710	190.273.810.395	8.180.086.785	7.341.299.531	236.578.210.421
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	13.167.073.099	101.350.468.831	3.490.192.459	3.862.831.776	121.870.566.165
2. Tăng trong năm	2.085.329.775	14.956.607.041	722.307.567	659.273.538	18.423.517.921
- Khấu hao	2.085.329.775	14.956.607.041	722.307.567	659.273.538	18.423.517.921
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	437.049.325	188.105.992	240.668.887	865.824.204
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	437.049.325	188.105.992	240.668.887	865.824.204
4. Số dư cuối năm	15.252.402.874	115.870.026.547	4.024.394.034	4.281.436.427	139.428.259.882
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>					
1. Tại ngày đầu năm	17.890.892.151	77.473.543.449	2.794.431.226	2.000.975.807	100.159.842.633
2. Tại ngày cuối năm	15.530.610.836	74.403.783.848	4.155.692.751	3.059.863.104	97.149.950.539

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu năm	3.603.281.432	-	73.881.710	3.677.163.142
2. Số tăng trong năm	-	12.500.000	-	12.500.000
<i>Bao gồm:</i>				
- Mua trong năm	-	12.500.000	-	12.500.000
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất KD	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	3.603.281.432	12.500.000	73.881.710	3.689.663.142
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	541.647.840	-	73.881.710	615.529.550
2. Số tăng trong năm	81.247.176	2.083.332	-	83.330.508
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>				
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	622.895.016	2.083.332	73.881.710	698.860.058
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	3.061.633.592	-	-	3.061.633.592
2. Tại ngày cuối năm	2.980.386.416	10.416.668	-	2.990.803.084

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	17.341.972.895	7.657.452.474
- Hệ thống lạnh trực vít CS lạnh 750KW	-	2.437.018.182
- Mua căn hộ Carina Plaza	4.011.843.370	3.790.814.108
- Sửa chữa, cải tạo mái nhà sản xuất chính		
- Dự án nâng CS NMCT	471.048.200	-
- Hệ thống thu hồi nước nóng	70.023.131	-
- Chi phí xây dựng dở dang khác	-	708.235.457
- Chi phí dự án nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng	12.789.058.194	167.316.545
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.341.972.895</b>	<b>7.657.452.474</b>

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng CP	VND	Số lượng CP	VND
Đầu tư vào công ty con		-		-
- Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng		-		-
Đầu tư vào công ty liên kết		27.349.311.356		24.141.786.002
- Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	1.601.600	27.349.311.356	1.601.600	24.141.786.002
Nắm giữ 20% vốn điều lệ				
Đầu tư dài hạn khác		19.255.186.800		27.070.186.800
- Đầu tư cổ phiếu:		19.255.186.800		27.070.186.800
+ Công ty CP Bia NGK Sài Gòn - Tây Đô	1.010.000	10.100.000.000	1.010.000	10.100.000.000
+ Công ty CP Kinh doanh Lương thực- Thực phẩm Sabeco		-	67.500	675.000.000
+ Quỹ đầu tư Sabeco (7.000 chứng chỉ quỹ, MG: 1.000.000)		-	7.000	7.140.000.000
+ Công ty CP Dìc Vũng Tàu	145.060	2.155.186.800	145.060	2.155.186.800
+ Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	100.000	7.000.000.000	100.000	7.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.600.000.000)		(4.015.014.380)
+ Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn		(1.600.000.000)		(3.850.000.000)
+ Công ty CP Kinh doanh Lương thực- Thực phẩm Sabeco		-		(5.197.380)
+ Quỹ đầu tư Sabeco		-		(159.817.000)
<b>Tổng cộng</b>		<b>45.004.498.156</b>		<b>47.196.958.422</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012		01/01/2012	
		VND		VND
Tiền thuê đất trả trước		11.214.182.660		11.725.608.836
Bao bì luân chuyển gồm vỏ chai, két nhựa		23.776.341.507		19.501.240.329
Chi phí trả trước dài hạn khác		4.293.926.506		1.863.736.175
<b>Tổng cộng</b>		<b>39.284.450.673</b>		<b>33.090.585.340</b>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012		01/01/2012	
		VND		VND
Vay ngắn hạn:		24.500.000.000		-
Vietin Bank - CN Cần Thơ		24.500.000.000		-
<b>Tổng cộng</b>		<b>24.500.000.000</b>		<b>-</b>



**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	13.010.252.253	4.425.924.057
Thuế tiêu thụ đặc biệt	67.891.904.598	42.491.681.595
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.311.280.242	5.515.558.685
Thuế thu nhập cá nhân	131.284.859	15.227.921
Thuế tài nguyên	2.512.440	2.931.120
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>83.347.234.392</u></b>	<b><u>52.451.323.378</u></b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Chi phí phải trả khác	1.092.650.775	668.229.608
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.092.650.775</u></b>	<b><u>668.229.608</u></b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	39.713.995	50.500.459
Bảo hiểm xã hội	19.244.132	15.718.869
Bảo hiểm y tế	-	-
Cổ tức phải trả	3.274.134.000	18.919.522.573
Các khoản phải trả, phải nộp khác	657.910.073	-
TCT CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	13.311.000.000	-
Phải trả Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây	-	-
Phải trả Công ty TNHH Vạn Ngân	182.668.000	-
Lãi vay Ngân hàng Công Thương CN4	215.881.320	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>17.700.551.520</u></b>	<b><u>18.985.741.901</u></b>

**17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	190.000.000	190.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>190.000.000</u></b>	<b><u>190.000.000</u></b>

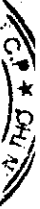
**18. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng		
<i>Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4</i>	27.096.308.555	-
<b>Tổng cộng</b>	<u>27.096.308.555</u>	<u>-</u>

**19. Vốn chủ sở hữu**

*a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	145.000.000.000	56.630.742.287	8.319.046.055	78.475.878.909	288.425.667.251
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	83.319.547.807	83.319.547.807
Tăng khác	-	21.968.349.004	3.623.010.520	-	25.591.359.524
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(86.979.165.622)	(86.979.165.622)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<u>145.000.000.000</u>	<u>78.599.091.291</u>	<u>11.942.056.575</u>	<u>74.816.261.095</u>	<u>310.357.408.961</u>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	84.156.327.106	84.156.327.106
Tăng khác	-	20.653.107.705	2.557.943.425	-	23.211.051.130
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(73.432.223.440)	(73.432.223.440)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<u>145.000.000.000</u>	<u>99.252.198.996</u>	<u>14.500.000.000</u>	<u>85.540.364.761</u>	<u>344.292.563.757</u>



**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu - NGK Sài Gòn	73.950.000.000	51%	73.950.000.000	51%
Vốn góp của các đối tượng khác	71.050.000.000	49%	71.050.000.000	49%
<b>Tổng cộng</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>100%</b>

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

-

-

- Số lượng cổ phiếu quỹ

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
-Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	145.000.000.000	145.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	145.000.000.000	145.000.000.000
-Cổ tức, lợi nhuận đã chia	37.944.352.500	43.341.729.500

**d) Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

27%

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

**e) Cổ phiếu**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.500.000	14.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	14.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.500.000	14.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	14.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/Cổ phiếu.

**f) Các quỹ của công ty**

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	99.252.198.996	78.599.091.291
- Quỹ dự phòng tài chính	14.500.000.000	11.942.056.575
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

**20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	533.075.259.366	523.582.977.070
Doanh thu bán hàng hóa	-	14.686.185.320
Doanh thu bán bất động sản	-	3.871.252.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ	423.890.588	272.636.000
Doanh thu khác	3.806.772.776	3.520.788.678
<b>Tổng cộng</b>	<b>537.305.922.730</b>	<b>545.933.839.341</b>

**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	213.882.902.005	206.955.887.351
<b>Tổng cộng</b>	<b>213.882.902.005</b>	<b>206.955.887.351</b>

**22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa	319.192.357.361	338.705.315.990
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	423.890.588	272.636.000
Doanh thu thuần khác	3.806.772.776	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>323.423.020.725</b>	<b>338.977.951.990</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	14.239.200.000
Giá vốn của thành phẩm đã bán	248.082.819.179	244.987.394.542
Giá vốn của vật tư, dịch vụ đã cung cấp	48.678.651	440.851.567
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán	-	3.487.926.714
Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	-	-
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	364.555.939	27.380.532
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	470.304.998
<b>Tổng cộng</b>	<b>248.496.053.769</b>	<b>263.653.058.353</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.770.318.769	18.110.796.650
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	-
Lãi bán chứng khoán	2.901.955.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.069.108.147	3.931.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.741.381.916</b>	<b>22.041.796.650</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	123.384.177	541.051.666
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.415.014.380)	-
Chi phí tài chính khác	67.500	211.719.001
<b>Tổng cộng</b>	<b>(2.291.562.703)</b>	<b>752.770.667</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.308.170.320	10.888.931.925
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(246.399.999)	83.157.053
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>10.061.770.321</b>	<b>10.972.088.978</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	84.156.327.106	83.319.547.807
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	14.500.000	14.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.804	5.746

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	184.688.199.824	178.953.159.573
Chi phí nhân công	31.514.095.990	30.001.829.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.135.059.761	17.727.550.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.876.657.109	17.382.171.868
Chi phí khác bằng tiền	7.456.139.572	6.390.864.149
<b>Tổng cộng</b>	<b>260.670.152.256</b>	<b>250.455.575.638</b>

**29. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT & BAN GIÁM ĐỐC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí tiền lương	1.276.918.869	1.399.310.000
- Thù lao	636.000.000	1.343.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.912.918.869</b>	<b>2.742.310.000</b>

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty con.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 02.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ 31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.774.595.427	150.550.932.249
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.141.159.811	42.960.645.334
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	17.655.186.800	23.055.172.420
Tài sản tài chính khác	465.400.000	418.922.406
<b>Tổng cộng</b>	<b>149.036.342.038</b>	<b>216.985.672.409</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	51.596.308.555	-
Phải trả người bán và phải trả khác	37.188.514.329	56.558.572.893
Chi phí phải trả	1.092.650.775	668.229.608
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.877.473.659</b>	<b>57.226.802.501</b>

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn được xác định tương đương với giá trị ghi sổ.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá trên khả năng trả nợ của từng khách hàng, Công ty sẽ ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán đã niêm yết căn cứ vào giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	34.840.471	34.808.918
Euro (EUR)				

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b><u>31/12/2012</u></b>			
Các khoản vay	24.500.000.000	27.096.308.555	51.596.308.555
Phải trả người bán và phải trả khác	36.998.514.329	190.000.000	37.188.514.329
Chi phí phải trả	1.092.650.775	-	1.092.650.775
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.591.165.104</b>	<b>27.286.308.555</b>	<b>89.877.473.659</b>
<b><u>01/01/2012</u></b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	56.368.572.893	190.000.000	56.558.572.893
Chi phí phải trả	668.229.608	-	668.229.608
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.036.802.501</b>	<b>190.000.000</b>	<b>57.226.802.501</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b><u>31/12/2012</u></b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.774.595.427	-	107.774.595.427
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.141.159.811	-	23.141.159.811
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	17.655.186.800	17.655.186.800



Tài sản tài chính khác	462.400.000	3.000.000	465.400.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>131.378.155.238</b>	<b>17.658.186.800</b>	<b>149.036.342.038</b>
<b>01/01/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	150.550.932.249	-	150.550.932.249
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.960.645.334	-	42.960.645.334
Đầu tư dài hạn	-	23.055.172.420	23.055.172.420
Tài sản tài chính khác	415.922.406	3.000.000	418.922.406
<b>Tổng cộng</b>	<b>193.927.499.989</b>	<b>23.058.172.420</b>	<b>216.985.672.409</b>

**31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Thông tin về các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Sở hữu vốn</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu - NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	51%
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại Sabeco	Cùng Công ty mẹ	0%
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty liên kết	20%

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau :

<u>Bên liên quan</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Giá trị giao dịch (VND)</u>
Tổng Công ty CP Bia rượu - NGK Sài Gòn	Mua hàng	154.165.005.699
	Trả cổ tức	18.487.500.000
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Góp vốn	43.680.000.000
	Hỗ trợ vốn	61.700.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Sabeco	Mua hàng	9.931.160.000
	Bán hàng	586.166.675.325
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Mua hàng	531.782.473
	Bán hàng	372.724.300
	Nhận cổ tức	4.004.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau :

<u>Bên liên quan</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Giá trị</u>
Tổng Công ty CP Bia rượu - NGK Sài Gòn	Phải trả	29.197.951.637
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Phải thu	55.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Sabeco	Phải thu	19.041.641.245
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Phải thu	3.485.142.527

Báo cáo bộ phận

*Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh*

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm bia, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo theo khu vực địa lý**

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước)**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2011 đã được Công ty Kiểm toán AASCN kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban CKNN
- SGD CK HN
- Sabeco
- HĐQT, BKS (BC)
- Lưu TCKT, VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**GIÁM ĐỐC**



Phạm Đình Hùng

